TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 3 năm 2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
*** Các Hội thẩm nhân dân:**
1. Ông Trần Anh Dũng.
2. Ông Nguyễn Lâm Giang.

*** Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/2/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/2/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phú Thị H, sinh năm 1998 (Có mặt)
Cư trú: Tam Bình, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Cư trú: Tam Bình, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 14/12/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Chị Phú Thị H trình bày:

Chị và anh Dương Văn H kết hôn ngày 03/10/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn vợ chồng

chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị và anh H về chung sống với nhau tại gia đình anh H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ngoại tình, thường xuyên rượu, chè, cờ bạc, xúc phạm gia đình chị dẫn đến vợ chồng chị cãi, chửi nhau và ly thân nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn H.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng chị có 02 con chung là Dương Văn D, sinh ngày 21/6/2018 và Dương Đức M, sinh ngày 22/5/2020. Chị đang làm công nhân, lương của chị là 6.000.000 đồng đồng, anh H làm nghề tự do. Chị và anh H có nơi ở ổn định. Hiện nay cháu M do chị nuôi dưỡng, cháu D do anh H nuôi dưỡng. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc con là Dương Đức M, anh H nuôi dưỡng, chăm sóc con là Dương Văn D. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Chị H có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H, ý kiến về con chung.

* Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Dương Văn H nhưng anh H không trình bày ý kiến và không đến phiên tòa làm việc. Tại phiên tòa, anh Dương Văn H vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 09/01/2023, bà Lại Thị T – Trưởng thôn T, xã N cho biết: Chị Phú Thị H và anh Dương Văn H là công dân địa pHường. Chị H kết hôn với anh H năm 2017, sau khi kết hôn vợ chồng Chị H, anh H về ở với bố mẹ đẻ anh H. Thời gian đầu vợ chồng Chị H, anh H chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H rượu, chè, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị H, anh H đã sống ly, không còn quan tâm đến nhau.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Dương Văn Hùng không chấp hành quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, điều 228 BLTTDS; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phú Thị H được ly hôn với anh Dương Văn H.

- Về con chung: Giao cho Chị Phú Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Đức M, sinh ngày 22/5/2020. Giao cho anh Dương Văn H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Văn D, sinh ngày 21/6/2018.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không xem xét, giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phú Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Dương Văn H nhưng vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa Chị Phú Thị H và anh Dương Văn H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H rượu, chè, không quan tâm đến vợ, con, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa Chị H, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho Chị Phú Thị H được ly hôn anh Dương Văn H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng Chị H, anh H có 02 con chung là Dương Văn D, sinh ngày 21/6/2018 và Dương Đức M, sinh ngày 22/5/2020. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em. Xét điều kiện nuôi con thấy: Hiện tại cháu Dương Đức M đang do Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Dương Văn D đang do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện cả cháu D và cháu M đều đang phát triển bình thường. Chị H đang làm công nhân, anh H đang làm nghề tự do, cả hai đều có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống và đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng của Chị H. Cần nên giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung của Chị H, anh H như hiện nay. Giao cho Chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Dương Đức M, sinh ngày 22/5/2020, giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Dương Văn D, sinh ngày 21/6/2018 là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu M, cháu D và phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Chị Phú Thị H và anh Dương Văn H không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở Chị H, anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do Chị H, anh H mỗi người nuôi một con và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Phú Thị H, anh Dương Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phú Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phú Thị H được ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về con chung: Giao cho Chị Phú Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Đức M, sinh ngày 22/5/2020. Giao cho anh Dương Văn H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Văn D, sinh ngày 21/6/2018.

Chị Phú Thị H và anh Dương Văn H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở Chị H, anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do Chị H, anh H mỗi người nuôi một con và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phú Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0012003 ngày 20/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, Chị Phú Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã N
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương